



# tesa® 4660

## Thông tin Sản phẩm



Băng keo vải phủ acrylic có thể in

### Product Description

tesa® 4660 là băng keo vải phủ acrylic đặc biệt với một bề mặt có thể in. Nó được dựa trên lớp nền sợi cotton dệt dưới 145 và keo cao su tự nhiên cứng lại do nhiệt.

tesa® 4660 là một băng keo linh hoạt nhưng rất bền.

Tính năng:

- Độ bám dính cao trên hầu hết mọi bề mặt
- Gỡ bỏ mà không để lại keo trên bề mặt
- Lựa chọn tuyệt vời cho bề mặt in Flexco
- chịu nhiệt cao
- Chịu lực kéo căng rất cao
- Rất thuận tiện cho công đoạn cắt, có sẵn như là cuộn tròn có lớp lót như tesa® 4660 PV9
- Có sẵn 2 màu: trắng và vàng

### bền vững các khía cạnh



Để biết thêm thông tin, bấm vào đây: <https://www.tesa.com/product-sustainability>

### Ứng dụng

tesa® 4660 được sử dụng chủ yếu cho đánh dấu dây điện và xác định các yếu tố của thiết bị điện

- Quấn và đánh dấu dây cáp cho các thiết bị điện và cách nhiệt
- Đánh dấu trong hộp chuyển
- Đánh dấu vào linh kiện điện
- Dán hộp và ống
- Đánh dấu nhãn với miếng cắt chính xác
- Viền cửa sổ



# tesa® 4660

## Thông tin Sản phẩm

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

|                                                                    |                                    |                  |        |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------|--------|
| • Lớp nền                                                          | vải mạ acrylic                     | • Độ dày         | 260 µm |
| • Loại keo                                                         | cao su tự nhiên phản ứng với nhiệt | • Màu lớp lót    | vàng   |
| • Vật liệu lớp lót (liner)                                         | giấy                               | • Độ dày lớp lót | 76 µm  |
| • Total sustainable product excl. liners by weight (acc. EN 16785) | 68 %                               |                  |        |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

|                                                                          |          |                        |                           |
|--------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------|---------------------------|
| • Độ giãn dài tối đứt                                                    | 7.5 %    | • Khả năng chống nước  | _NULL                     |
| • Lực kéo căng                                                           | 100 N/cm | • Khả năng xé bằng tay | rất tốt                   |
| • Chống mài mòn                                                          | rất tốt  | • Màng                 | 145 count per square inch |
| • dễ viết lên                                                            | có       |                        |                           |
| • Khả năng chịu nhiệt độ (loại bỏ khỏi bề mặt nhôm sau 30 phút tiếp xúc) | 180 °C   | • Xé thẳng mép         | rất tốt                   |

### Độ kết dính trên

|        |        |
|--------|--------|
| • thép | 4 N/cm |
|--------|--------|

### Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=04660>